

Số: 112/2025/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 87/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **T D T1**, sinh ngày 31/08/1995; CCCD số: 00*****81 do Bộ Công An cấp ngày 23/07/2025. Địa chỉ: Số 2/269 phố H, phường P, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị **V T T2**, sinh ngày 30/11/1994; CCCD số: 00*****62 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021. Địa chỉ: Số 131 phố L, phường B, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T D T1, sinh năm 1995 và chị

V T T2, sinh năm 1994.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh T D T1 và chị V T T2, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh T1 và chị T2 cùng xác định anh chị có 01 con chung là cháu T X P, sinh ngày 27/03/2018. Khi ly hôn, anh T1 và chị T2 thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho chị T2 là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh T1 tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T2 là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2026 đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung: Anh T1 và chị T2 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Anh T1 và chị T2 xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T D T chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 00***74 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- Phòng thi hành án KV5;
- UBND thị trấn Y, huyện G (nay là xã P, thành phố Hà Nội – GCNKH số **/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc